Đơn vị: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chương: 425

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 682 /QĐ-SVHTTDL ngày 20/11/2023 của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	VPsở	TTVHNT	Thư viện	Bảo tàng	Trung tâm PHP	Nhà hát chèo	Trường TCVHNT	Trung tâm ĐTHL&T ĐTT	BQL di tích CSKB	Nhà thi đấu
1	2		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách**											
1	**Sô thu**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Lệ phí, phí											
	- Phí tham quan											
1.2	Thu hoạt động sự nghiệp											
1.3	Thu khác							-	-	-	-	-
2	**Chi từ nguồn được đê lại**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi sự nghiệp VHTTDL											
3	**Số nộp NSNN**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Phí, lệ phí											
3.2	Từ hoạt động khác											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**(1.379,814)**	**(2.103,009)**	**1.291,67**			**(1.291,67)**		**723,195**			
1	**Chi quản lý hành chính**	**212,991**	**212,991**									
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	212,991	212,991									
2	**Chi sự nghiệp đào tạo**	**703,195**	**(20)**						**723,195**			
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	723,195							723,195			
2.3	Kinh phí 10% tiết kiệm chi TX	*(20)*	*(20)*									
3	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**(1.048)**	**(1.048)**	**1.291,67**			**-1.291,67**					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			1.291,67			(1.291,67)					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
3.3	Kinh phí 10% tiết kiệm chi TX	(1.048)	(1.048)									
4	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**(1.248)**	**(1.248)**									
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
4.3	Kinh phí 10% tiết kiệm chi TX	(1.248)	(1.248)									